

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ & MÔI TRƯỜNG XANH YÊN PHONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ & MÔI TRƯỜNG XANH YÊN PHONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: YEN PHONG GREEN ENVIRONMENTAL & SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300971704

**3. Ngày thành lập:** 09/01/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

(NR Nguyễn Văn Phát) phố Mới, Thị Trấn Chờ, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0967069148

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                              | Mã ngành                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                       | 3830                                                         |
| 2.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                                     | 3822                                                         |
| 3.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                         | 3811(Chính)                                                  |
| 4.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                      | 4312                                                         |
| 5.  | Hoạt động cấp tín dụng khác                                                                                                                                                            | 6492                                                         |
| 6.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                         | 4520                                                         |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                      | 4669                                                         |
| 8.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                    | 5022                                                         |
| 9.  | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                         | 1701                                                         |
| 10. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                               | 3812                                                         |
| 11. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                               | 3821                                                         |
| 12. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                          | 0150                                                         |
| 13. | Trồng rừng và chăm sóc rừng                                                                                                                                                            | 0210                                                         |
| 14. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                               | 1629                                                         |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                         | 4933                                                         |
| 16. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                         | 2511                                                         |
| 17. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                     | 4652                                                         |
| 18. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                       | 2591                                                         |
| 19. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                           | 2220                                                         |
| 20. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                                                                       | 1709                                                         |
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                     | 4649                                                         |
| 22. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                                      | 3900                                                         |
| 23. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                    | 4511                                                         |
| 24. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                          | 2431                                                         |
| 25. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                            | 2599                                                         |
| 26. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                    | 1702                                                         |
| 27. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                               | 2410                                                         |
| 28. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                | 4663                                                         |
| 29. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                              | 5510                                                         |
| 30. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                       | 5610                                                         |
| 31. | Chi chú: Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 9.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

Thời gian đăng từ ngày 09/01/2017 đến ngày 08/02/2017

## 7. Số cổ phần được quyền chào bán:

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN ĐIỀN | Thôn Phù Xá, Xã Văn Môn, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    | 125197587                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN NHƯ LONG | Thôn Chu Mầu, Phường Vân Dương, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    | 02707500023                                                                                 |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
| 3   | PHAN ĐĂNG CÔNG  | Khu Phố Trang Liệt, Phường Trang Hạ, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    | 125401890                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
| 4   | TRẦN VĂN YÊN    | Thôn Kim Thiều, Xã Hương Mạc, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    | 125399879                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
| 5   | NGUYỄN VĂN DŨNG | Thôn Phù Xá, Xã Văn Môn, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    | 125091673                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 09/01/2017 đến ngày 08/02/2017

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN DŨNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *16/06/1985*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *125091673*

Ngày cấp: *01/12/2008*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Ninh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Phù Xá, Xã Văn Môn, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Phù Xá, Xã Văn Môn, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh*